



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thủy điện Xuân Minh

Ngày 31/03/2025	16,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	7.9%	3.1%

DT thuần Q1/25
19.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90 -4.6%
YoY: ▲ 0.70 3.5%

LN thuần Q1/25
7.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07 -1.0%
YoY: ▲ 1.89 34.9%

LN sau thuế Q1/25
7.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09 1.2%
YoY: ▲ 1.89 34.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
57.7%
YoY: +/-▲ 1.7%

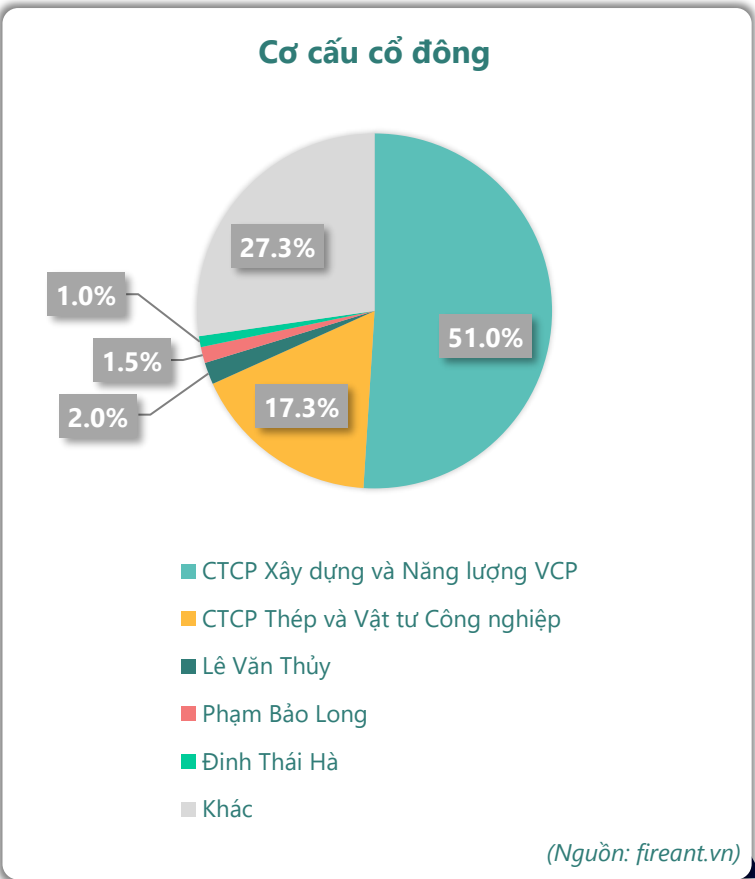
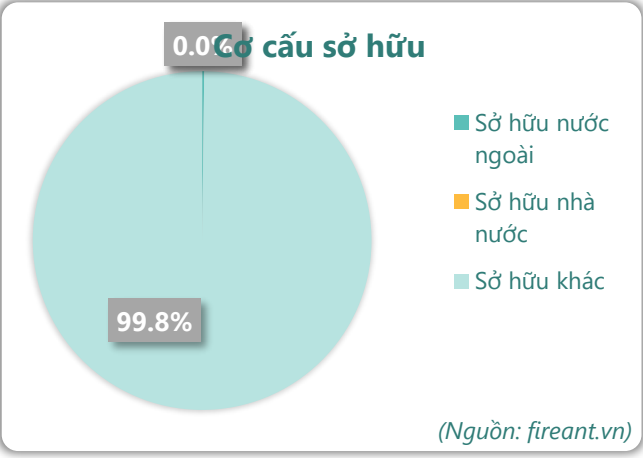
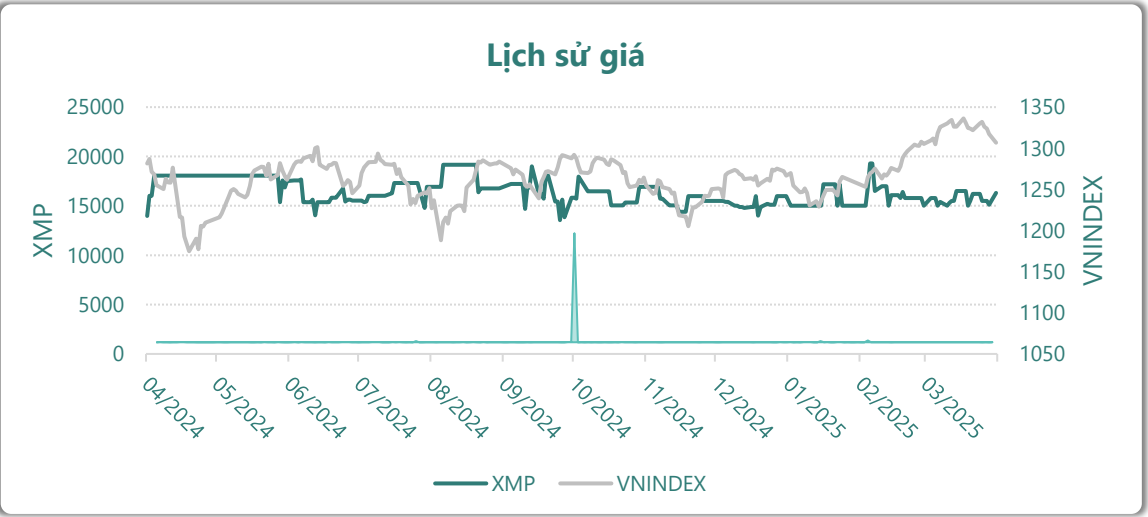
ROE (TTM) Q1/25
11.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,553 - 19,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	245
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	495
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.09)
EPS	1,343
P/E	12.1

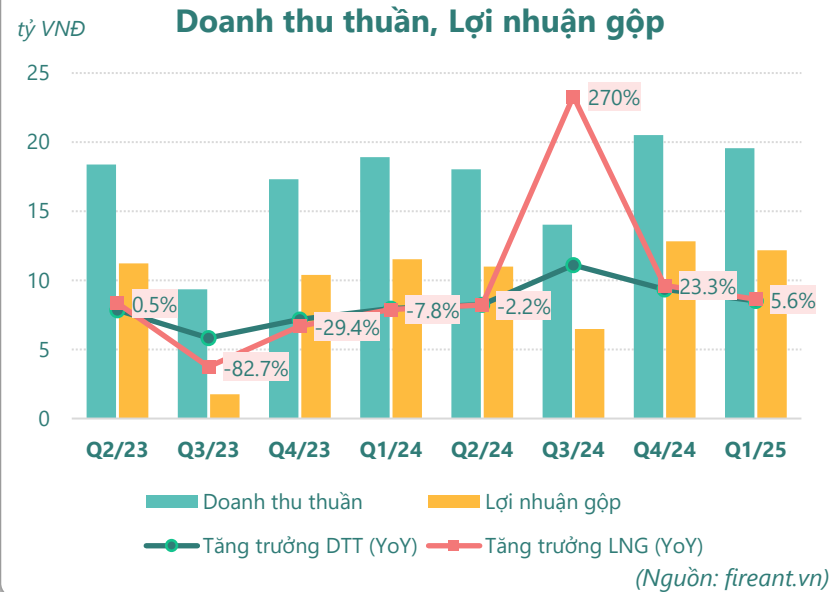
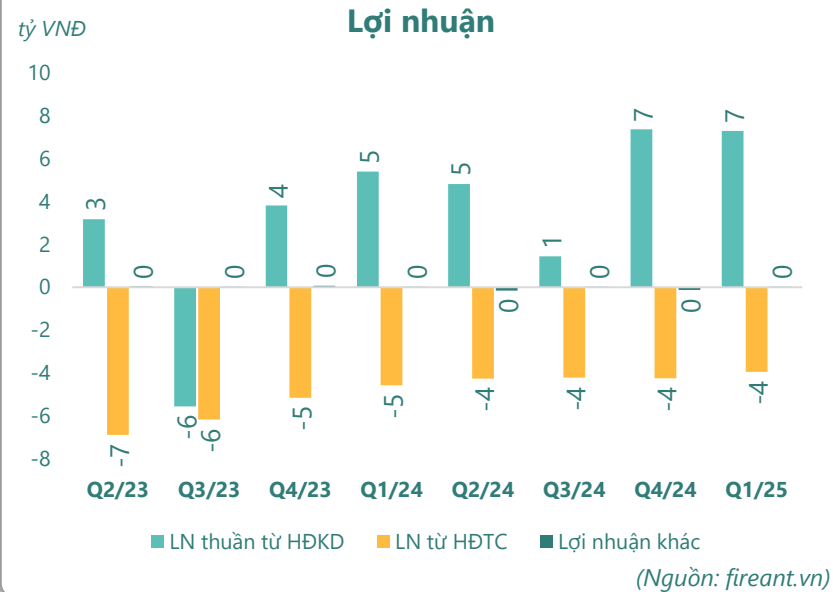
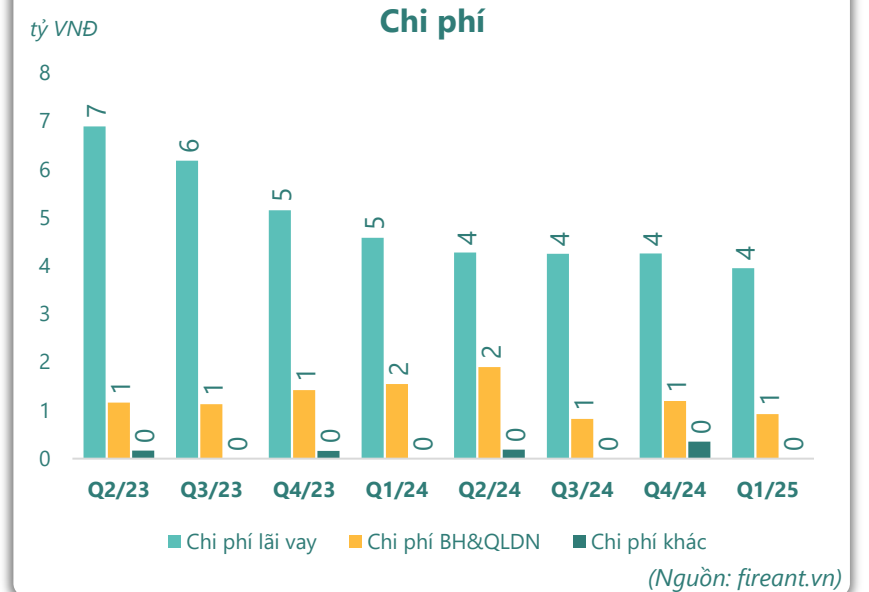
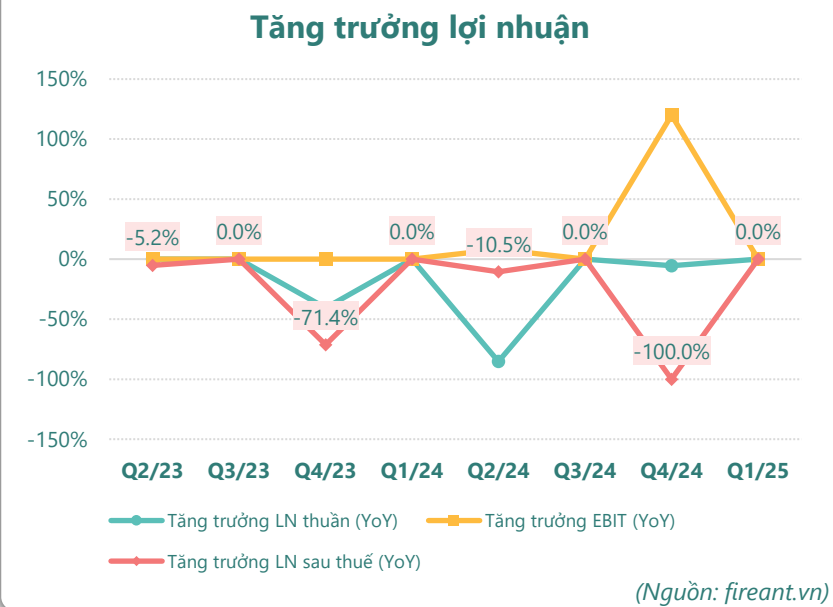
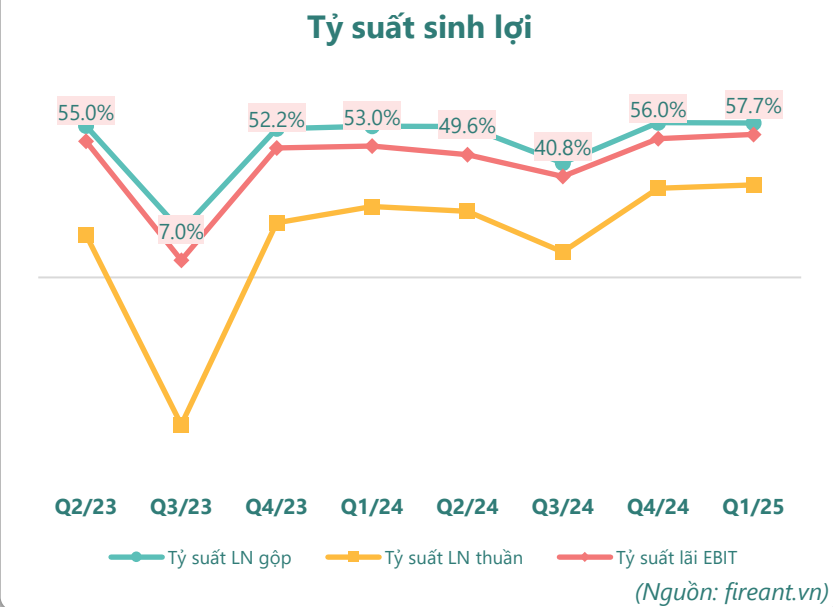
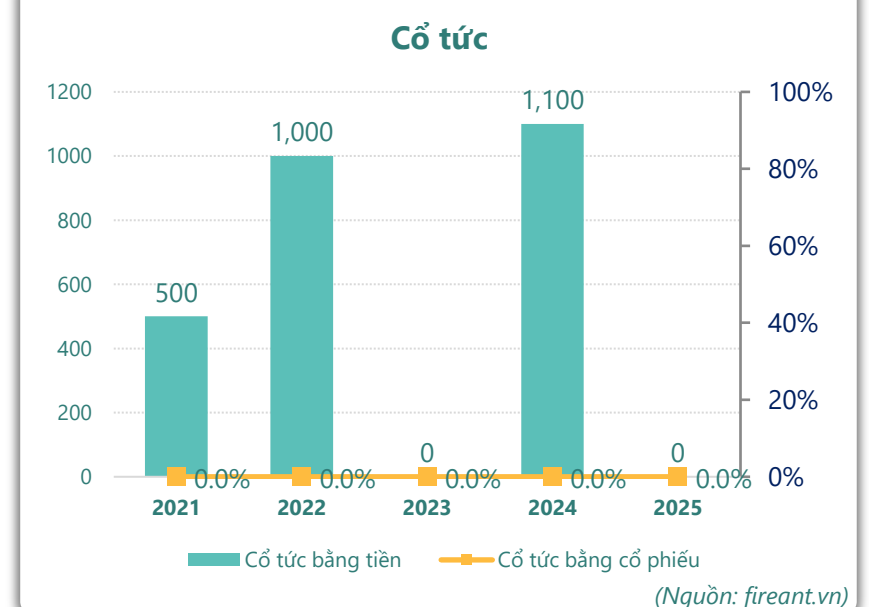
DT thuần 2024
71.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.20 9.5%

LN thuần 2024
19.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.4 240%

LN sau thuế 2024
17.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9 261%



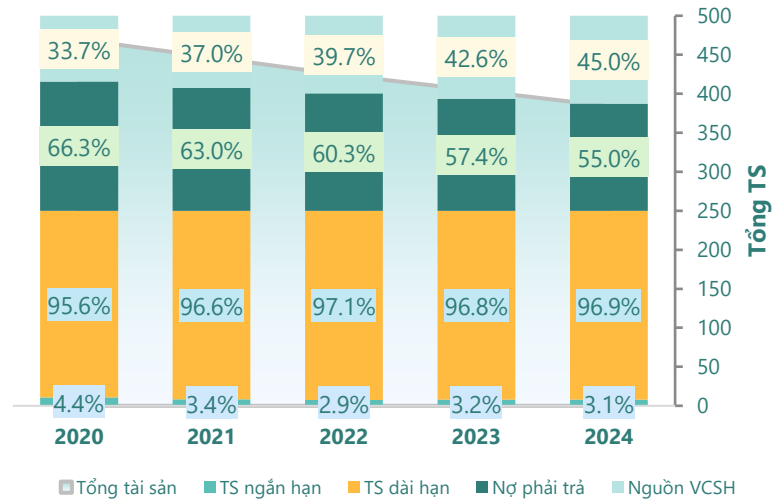
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

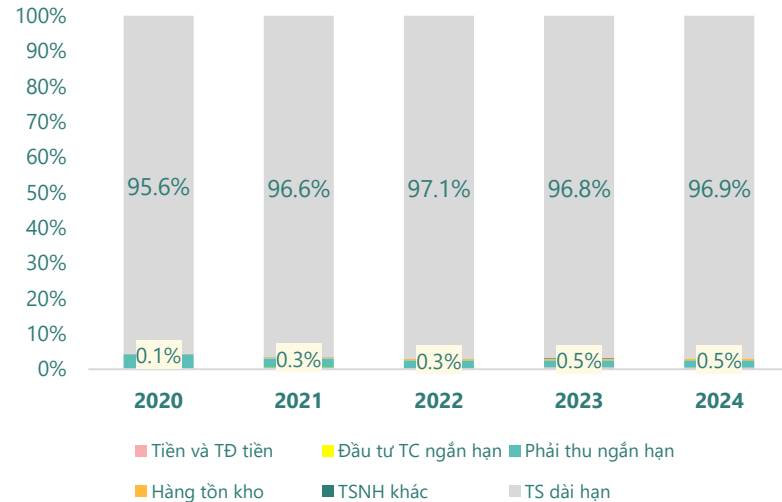
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

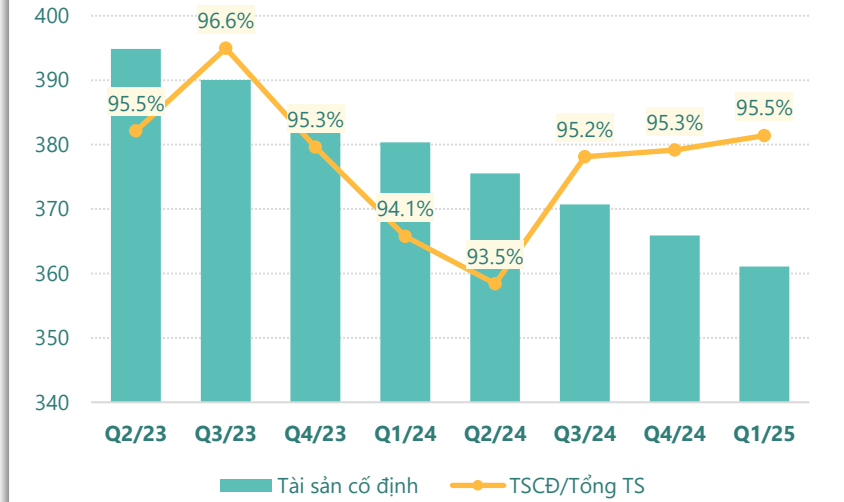
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

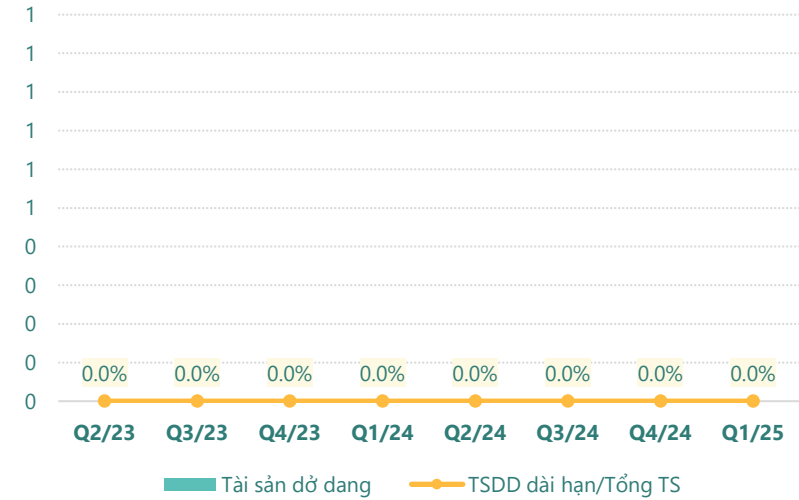
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

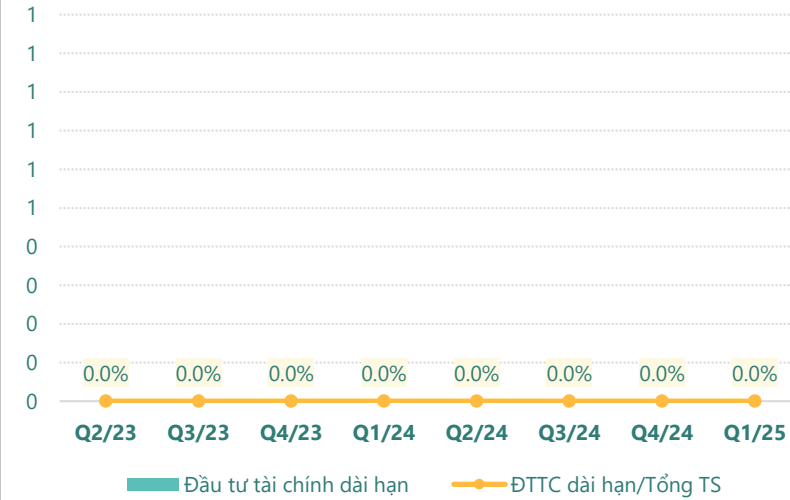
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

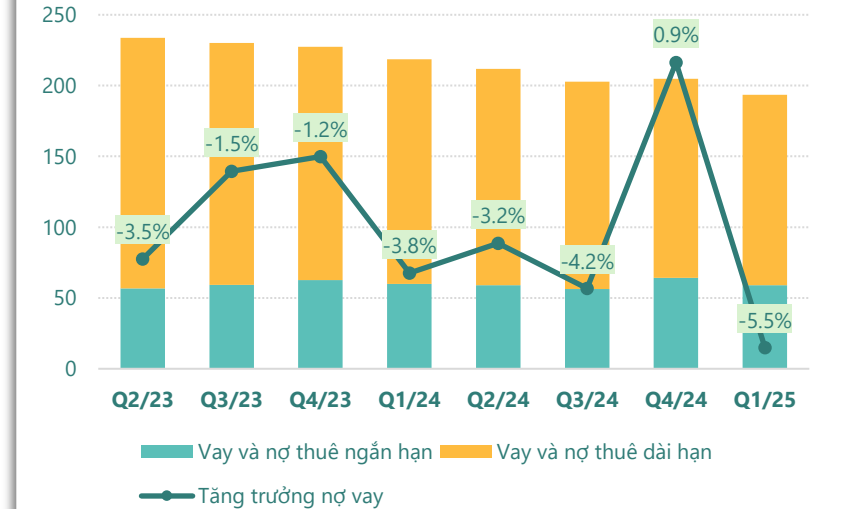
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

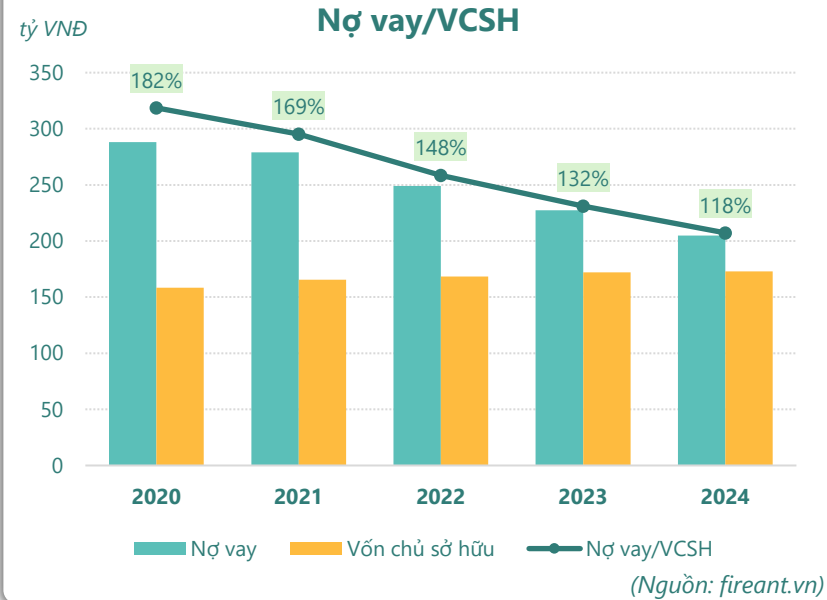
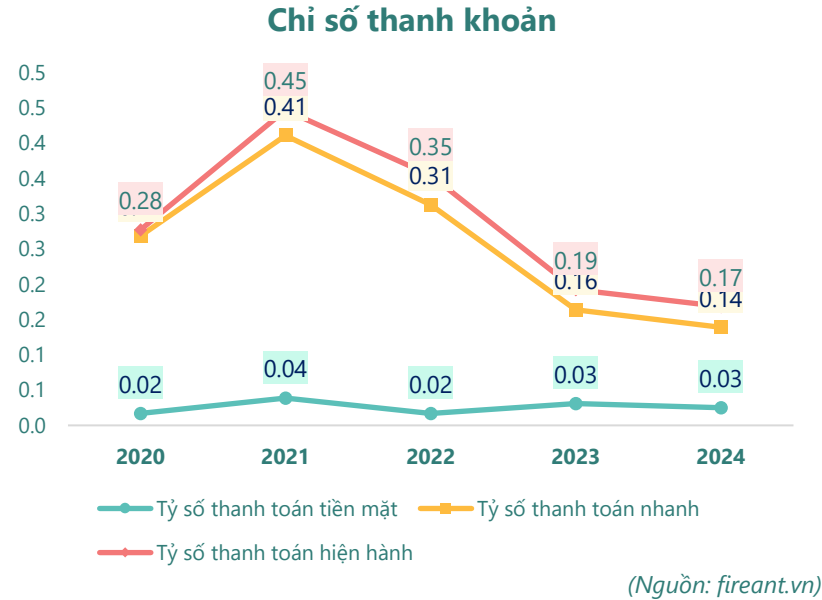
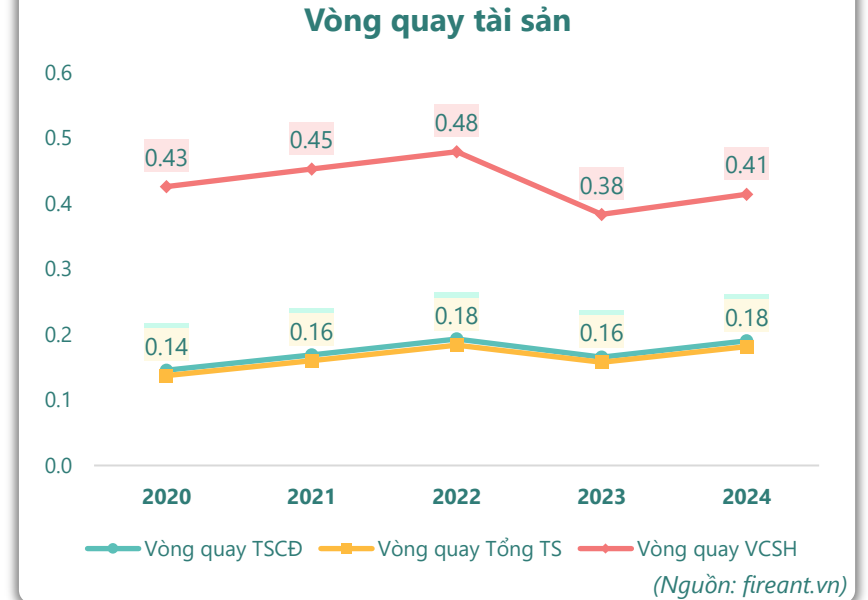
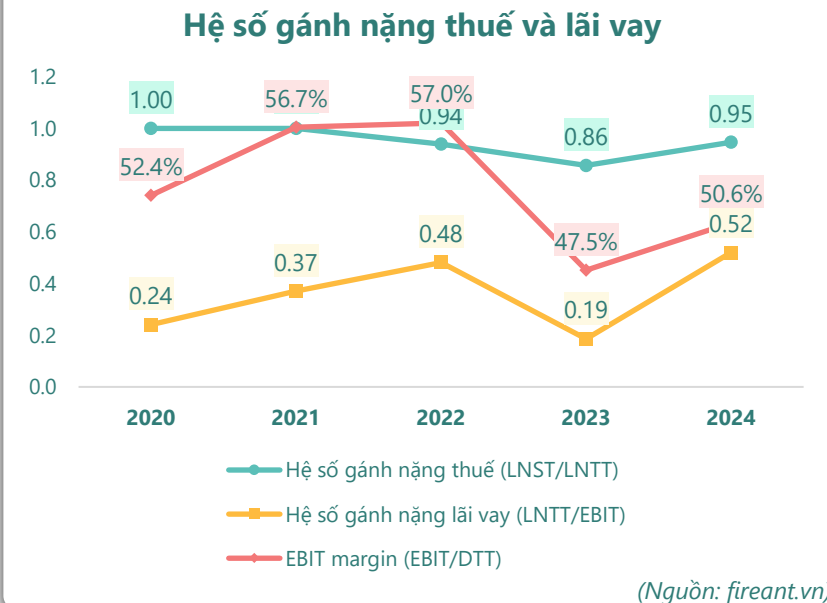
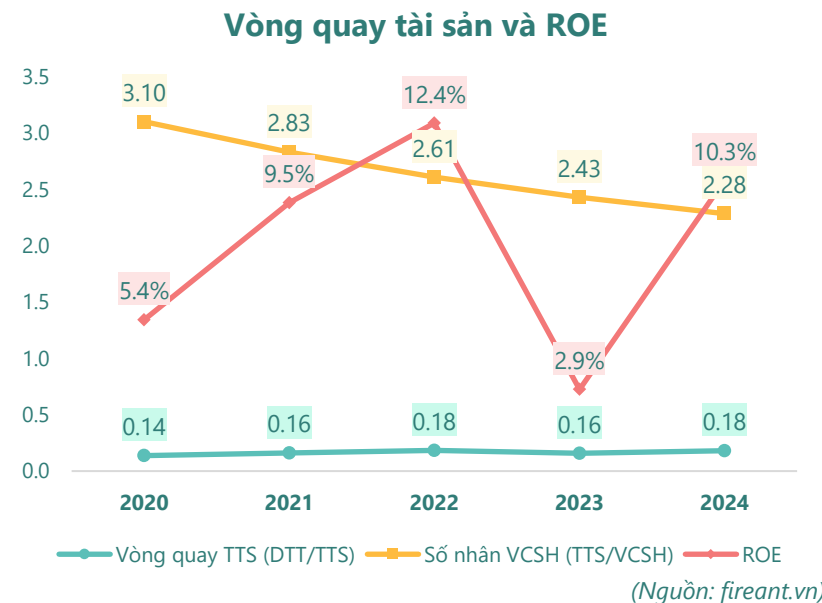
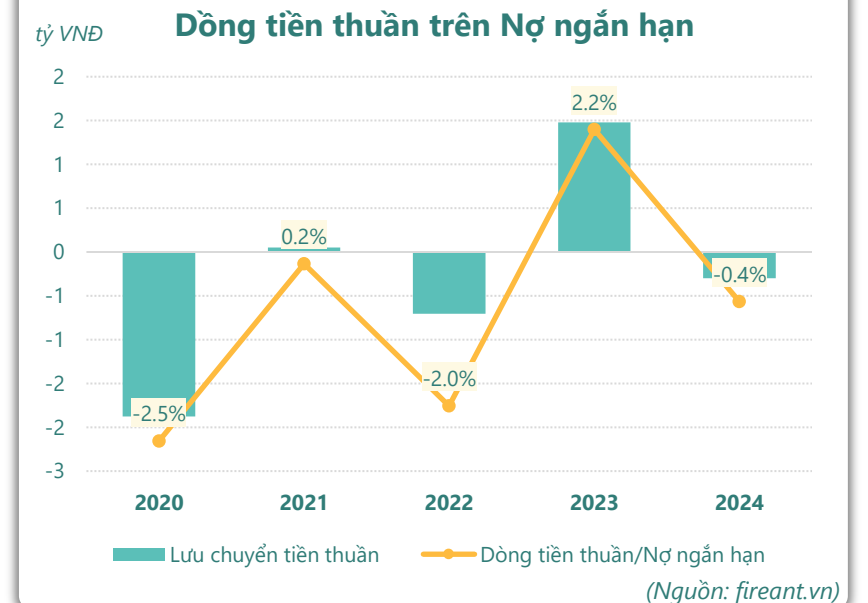
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	19.6	18.9	3.5%	71.5	65.3	9.5%
Giá vốn hàng bán	7.38	7.37	0.2%	29.7	29.4	0.8%
Lợi nhuận gộp	12.2	11.5	5.8%	41.8	35.9	16.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.05	0.00	1165%
Chi phí TC	3.95	4.58	-13.7%	17.4	25.3	-31.3%
Chi phí lãi vay	3.95	4.58	-13.7%	17.4	25.3	-31.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.92	1.55	-40.5%	5.47	5.01	9.2%
LN thuần từ HĐKD	7.30	5.41	34.9%	19.0	5.60	240%
Lợi nhuận khác	0.03	0.03	0.0%	-0.23	0.17	-235%
LN trước thuế	7.33	5.44	34.7%	18.8	5.76	226%
Lợi nhuận sau thuế	7.33	5.44	34.7%	17.8	4.94	261%
LNST của CĐ cty mẹ	7.33	5.44	34.7%	17.8	4.94	261%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.75	14.1	8.21	5.40	12.1	14.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	0.00	0.01	0.03	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.31	-8.79	-6.93	-11.2	-13.3	-15.0
Tiền đầu kỳ	0.68	2.07	7.42	8.71	2.91	1.77
Lưu chuyển tiền thuần	1.39	5.34	1.29	-5.80	-1.13	-0.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.07	7.42	8.71	2.91	1.77	1.01

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	378	384	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	11.2	11.9	-6.0%
Tiền và tương đương tiền	1.01	1.77	-43.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.12	8.06	0.7%
Hàng tồn kho	2.09	2.09	-0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	367	372	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	361	366	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.00	6.27	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	200	211	-5.4%
Nợ ngắn hạn	65.4	70.8	-7.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.0	64.3	-8.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.26	0.19	567%
Nợ dài hạn	134	140	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	134	140	-4.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	179	173	3.3%
Vốn chủ sở hữu	179	173	3.3%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

